

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2025/DS-ST**
Ngày 05 - 5 - 2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tin và bà Đinh Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 03 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện Yên Dũng (nay là tổ dân phố Q, phường T, thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn V: Ông Vũ Văn X, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1994; cùng địa chỉ: Số 123 đường N, Khu 3, phường S, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. (Ông Xuyên vắng mặt, bà Lan có mặt)

- Bị đơn: Anh Thân Bá T, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn Toàn T, xã L, huyện Yên Dũng (nay là tổ dân phố T, phường T, thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Hà Thị L, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn T, xã L, huyện Yên Dũng (nay là tổ dân phố T, phường T, thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:* Ông Nguyễn Văn V và anh Thân Bá T có mối quan hệ quen biết từ lâu, ông V cho anh T vay 02 lần với tổng số tiền 70.000.000đồng, cụ thể:

+ Ngày 29/3/2022, ông V cho anh T vay số tiền 30.000.000đồng. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền theo mẫu vay tiền in sẵn, nội dung do anh T viết và ký, ghi rõ họ tên dưới phần người vay. Có thoả thuận về thời hạn vay từ ngày 29/3/2022 đến ngày 9/4/2022. Tuy nhiên, đến hạn như thoả thuận anh T chưa trả tiền cho ông V.

+ Ngày 19/4/2022, ông V tiếp tục cho anh T vay số tiền 40.000.000đồng. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền theo mẫu vay tiền in sẵn, nội dung do anh T viết và ký, ghi rõ họ tên dưới phần người vay. Có thoả thuận về thời hạn vay từ ngày 19/4/2022 đến ngày 29/4/2022.

Cả hai lần vay tiền, trong giấy vay ông V và anh T không thoả thuận về lãi suất nhưng có thoả thuận miệng theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước. Mục đích vay tiền là để làm ăn. Đến hạn như thoả thuận trong giấy vay tiền, anh T chưa trả tiền gốc và lãi cho ông V. Ông V đã liên hệ nhiều lần yêu cầu anh T trả nợ nhưng anh Tâm chỉ hứa hẹn, đến nay anh Tâm vẫn trốn tránh chưa trả tiền cho ông V. Khi cho anh T vay tiền, chị Hà Thị L vợ anh T không hỏi vay nhưng theo ông V thì chị Lan có biết việc vay tiền. Căn cứ để xác định chị Lan biết việc anh Tâm vay tiền của ông V thì ông V không có. Tuy nhiên, mục đích anh T vay tiền để làm ăn, phát triển kinh tế chung của gia đình, do vậy chị L cũng phải cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng anh T.

Theo khởi kiện ông V đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Thân Bá T và chị Hà Thị L phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi là tạm tính đến ngày 09/11/2024 là 88.055.900đồng, trong đó tiền gốc vay là 70.000.000đồng, tiền lãi là 18.055.900đồng. Cụ thể: tiền lãi của số tiền 30.000.000đ theo giấy vay ngày 29/3/2022 tạm tính từ ngày 29/3/2022 đến ngày 09/11/2024 là 30 tháng 13 ngày, lãi

suất 0,83%/ tháng = 7.577.900đồng. Tiền lãi của số tiền 40.000.000đ theo giấy vay ngày 19/4/2022 tạm tính từ ngày 19/4/2022 đến ngày 09/11/2024 là 30 tháng 21 ngày, lãi suất 0,83%/ tháng = 10.478.000đ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông V là bà Nguyễn Thị L xin rút không yêu cầu buộc bà Hà Thị L phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cùng anh Thân Bá T. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Thân Bá T phải trả số tiền nợ gốc là 70.000.000đồng và yêu cầu tính lãi là 10%/năm/tổng số tiền vay kể từ ngày 29/4/2022 (thời hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay lần thứ 2) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (05/5/2025) là 36 tháng 06 ngày = 21.029.400 đồng. Tổng nợ gốc và lãi là 91.029.400 đồng.

* Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh Thân Bá T nhiều lần (do vợ anh T nhận thay và cam đoan giao lại cho anh T) nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày quan điểm gửi đến Tòa án.

* *Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị L trình bày:* Chị là vợ của anh Thân Bá T, giữa vợ chồng chị và ông Nguyễn Văn V không có mối quan hệ gì. Ông V cho anh T vay tổng số tiền bao nhiêu, vay vào thời gian nào, vay sử dụng vào mục đích gì thì chị không biết, ông V và anh T không nói gì cho chị biết, chị không được sử dụng số tiền này. Gia đình chị làm nghề mổ trâu và giao thịt cho các nhà hàng nhiều năm nay và chị không phải vay tiền của ai. Số tiền anh T vay không sử dụng vào việc làm ăn, kinh doanh của gia đình. Ông V khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị là Thân Bá T và Hà Thị L phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi là tạm tính đến ngày 09/11/2024 là 88.055.900đồng, trong đó tiền gốc vay là 70.000.000đồng, tiền lãi là 18.055.900đồng. Quan điểm của chị là không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V vì đây là việc giữa cá nhân anh T và ông V, không liên quan gì đến chị. Do anh T đi làm từ sáng sớm đến tối muộn mới về, chị nhận thay anh T các văn bản của Tòa án giao cho anh T và đã giao lại tận tay anh T.

* Tài liệu Tòa án thu thập được:

- Tại biên bản xác minh với bà Hoàng Thị T là mẹ đẻ anh Thân Bá T cung cấp: Vợ chồng anh T, chị L đang sống cùng bà, anh T vẫn đi làm từ sáng sớm đến tối muộn mới về nhà. Việc anh T vay tiền của ông V như thế nào thì bà không biết,

bà cũng không được sử dụng số tiền đó, bà cũng không biết anh T sử dụng số tiền này vào mục đích gì. Do vậy ông V khởi kiện yêu cầu anh T trả tiền nợ gốc và lãi, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản xác minh với đại diện chính quyền địa phương và công an phường Tân An cung cấp: Anh Thân Bá T có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã L, huyện Yên Dũng (nay là tổ dân phố T, phường T, thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang. Anh T vẫn địa phương, không cắt và chuyển khẩu đi nơi khác.

Tòa án đã mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được vì bị đơn anh Thân Bá T đều vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị L có đơn xin vắng mặt.

Ngày 16/4/2025, Tòa án mở phiên tòa, bị đơn anh Thân Bá T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Thân Bá T được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do, chị Hà Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật:**

- Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành bỏ mất quyền của mình theo quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 92, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 385, 463, khoản 1 Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V, buộc anh Thân Bá T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn V tổng số tiền là 91.029.400 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 70.000.000đ và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 05/5/2025 là 21.029.400 đồng.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ

phí Tòa án. Bị đơn anh Thân Bá T phải chịu 4.551.470 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại ông Nguyễn Văn V số tiền 2.201.397 đồng đã nộp tạm ứng án phí trước đó.

Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau nghe khi ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Thân Bá T trả tiền nợ gốc và lãi trong hợp đồng vay tài sản. Nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Thân Văn T có địa chỉ tại thôn T, xã L, huyện Yên Dũng (nay là tổ dân phố T, phường T, thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng (nay là Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Thân Bá T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, điều này cho thấy bị đơn tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Thân Bá T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.4] Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn rút yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hà Thị L phải có trách nhiệm liên đới cùng anh Thân Bá T trả nợ cho ông Nguyễn Văn V. Xét việc rút yêu cầu này là tự nguyện,

không bị ép buộc nên cần chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc anh Thân Bá T phải trả tiền nợ gốc đã vay là 70.000.000đồng thì thấy:

Theo lời khai và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là bản gốc 02 Giấy vay tiền ngày 29/3/2022 và ngày 19/4/2022 thể hiện anh T đã viết giấy vay tiền và nhận của ông V tổng số tiền 70.000.000đồng gồm: ngày 29/3/2022 vay số tiền 30.000.000đồng, thời hạn vay từ ngày 29/3/2022 đến ngày 9/4/2022; ngày 19/4/2022, vay số tiền 40.000.000đồng, thời hạn vay từ ngày 19/4/2022 đến ngày 29/4/2022. Xét nội dung và mục đích của giấy vay tiền thấy rằng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự thì giao dịch vay tiền giữa ông V và anh T đủ kiện kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bên vay khi đến hạn. Nội dung giấy vay tiền thể hiện giữa các bên có thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, việc vay tiền giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc nào, đáp ứng đủ điều kiện được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự (BLDS) quy định “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa ông V và anh T là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án anh Thân Bá Tâm không đến Tòa án làm việc, không phản đối cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh số tiền nợ, nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 6; Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông V cho anh T vay số tiền 70.000.000đồng là có thật. Đến thời hạn thanh toán nợ đối với giấy vay tiền ngày 29/3/2022 là “ngày 9/4/2022” anh T không trả tiền tuy nhiên ông V tiếp tục cho anh T vay số tiền 40.000.000đồng thể hiện bằng giấy vay tiền ngày 19/4/2022, thời hạn thanh toán là “ngày 29/4/2022”. Như vậy đến ngày 29/4/2022, anh T không trả tiền cho ông V vi phạm nghĩa vụ dân sự theo khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự “1. Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc

bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ” nên ông V khởi kiện anh Thân Bá T yêu cầu phải thanh toán số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng là có cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V buộc anh Thân Bá T trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu của ông V về việc buộc anh T phải trả tiền lãi chậm trả của số tiền gốc 70.000.000 đồng đã vay với mức lãi suất 10%/ năm, thời gian tính lãi từ ngày 29/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 05/5/2025 là 36 tháng 06 ngày = 21.029.400 đồng thì thấy:

Theo nội dung tại các giấy vay tiền, các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng không ghi thỏa thuận lãi suất. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Căn cứ Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 “1. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý.” Theo Điều 357 Bộ luật dân sự quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền “1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”. Tại phiên toà, người đại diện cho nguyên đơn yêu cầu tính một mức lãi suất là 10%/năm/tổng số tiền vay là 70.000.000 đồng kể từ ngày 29/4/2022 (thời hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay lần thứ 2). Nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Cụ thể, tiền lãi được tính như sau: Kể từ ngày 29/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/5/2025) là 36 tháng 06 ngày = $(70.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 36 \text{ tháng}) + (70.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\% \times 6 \text{ ngày}) = 21.029.400 \text{ đồng}$ (Hai mươi một triệu không trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm đồng).

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V. Buộc anh Thân Bá T có nghĩa vụ thanh toán cho ông V tổng số tiền gốc và lãi là 91.029.400 đồng (trong đó tiền gốc 70.000.000 đồng, tiền lãi

21.029.400 đồng).

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tại phiên toà là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị M là vợ ông Nguyễn Văn V trình bày: Số tiền 70.000.000 đồng ông V cho anh T vay là tiền riêng của ông V, bà không liên quan, không phải là tài sản chung vợ chồng, ông V cũng thừa nhận là tiền riêng của ông V nên Tòa án không đưa bà M vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Thân Bá T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là $91.029.400 \text{ đồng} \times 5\% = 4.551.470 \text{ đồng}$ (*Bốn triệu năm trăm năm mươi một nghìn bốn trăm bảy mươi đồng*).

Trả lại ông Nguyễn Văn V số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ Luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V. Buộc anh Thân Bá T phải trả cho ông Nguyễn Văn V tổng số tiền 91.029.400 đồng (*Chín mươi một triệu không trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 21.029.400 đồng (*Hai mươi một triệu không trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành

án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Buộc anh Thân Bá T phải chịu 4.551.470 đồng (*Bốn triệu năm trăm năm mươi một nghìn bốn trăm bảy mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả ông Nguyễn Văn V số tiền 2.201.397 đồng (*Hai triệu hai trăm linh một nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005436 ngày 20/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng (nay là Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc niêm yết bản án theo quy định.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP. Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP. Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thủy

